

VAI TRÒ CỦA GIỚI TINH HOA TRONG THỨC ĐẨY NĂNG LỰC ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI CHO NGƯỜI DÂN Ở XÃ TRƯỜNG XUÂN, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. Nguyễn Công Thảo
Viện Dân tộc học
Email: writervn@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết này tập trung tìm hiểu quan niệm của người Bru - Vân Kiều về những cá nhân được coi là tinh hoa trong thôn bản. Trên cơ sở đó, những phân tích trong bài viết tập trung xem xét các đóng góp cụ thể mà nhóm tinh hoa đã đem lại cho cộng đồng, giúp họ có thêm nguồn lực, năng lực để giảm thiểu thiệt hại thiên tai có thể gây ra. Kết quả phân tích cho thấy tiêu chí để một cá nhân được coi là tinh hoa ở người Bru - Vân Kiều có sự khác biệt so với một số nghiên cứu trước. Nhóm tinh hoa đóng vai trò khá tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, đa dạng hóa nguồn thu nhập, quá trình kiên cố hóa nhà cửa ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Từ khóa: Ứng phó với thiên tai, nhóm tinh hoa, phát triển nông thôn bền vững, tỉnh Quảng Bình.

Abstract: This article aims to comprehend the Bru-Van Kieu people's perspective on individuals who are considered elites in their village. Accordingly, the analysis will focus on exploring the specific contributions made by this elite group towards the community, which enables them to have more resources and capacity to reduce damages caused by natural disasters. The findings reveal that the criteria for an individual to be regarded as elite in the Bru-Van Kieu community are distinct from previous studies. The elite group actively promotes economic development, diversifies income sources, and strengthens houses in Truong Xuan commune, Quang Ninh district, Quang Binh province.

Keywords: Disaster response, elite group, sustainable rural development, Quang Binh province.

Ngày nhận bài: 20/2/2022; ngày gửi phản biện: 8/3/2023; ngày duyệt đăng: 9/4/2023.

Mở đầu

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu vai trò của nhóm tinh hoa tại địa phương trong việc hỗ trợ người dân phát triển sinh kế, tăng cường năng lực thích ứng với thiên tai. Trong khi các nghiên cứu trước thường tập trung vào vốn xã hội (Adger, 2003; Albrecht, 2017; Richler,

2019), mạng lưới xã hội (Nagel, 2020), hay tri thức địa phương (Naess, 2013; Gunhild and Haakon, 2019) hoặc vai trò của chính quyền địa phương (McGregor et al, 2021) thì vai trò của nhóm tinh hoa địa phương ít được đề cập đến, nhất là dưới góc nhìn nhân học văn hóa. Ở cấp độ thôn bản, tại những vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số (DTTS), năng lực thích ứng với thiên tai của người dân thường mang tính thụ động và thiếu hiệu quả. Điều này xuất phát từ sự hạn chế của các nguồn lực tại chỗ cũng như tính không thường xuyên, không đầy đủ, không bền vững của các nguồn lực hỗ trợ đến từ bên ngoài. Tri thức, kinh nghiệm truyền thống không phải lúc nào cũng có thể vận dụng hiệu quả trong bối cảnh hiện nay. Chính vì thế, vai trò của nhóm tinh hoa địa phương là hết sức quan trọng trong việc giúp người dân tiếp cận các nguồn lực từ bên ngoài một cách tối đa, phát huy cao nhất hiệu quả của các nguồn lực tại chỗ, qua đó giúp họ có thêm năng lực ứng phó với thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Nhóm tinh hoa địa phương (local elites) là một khái niệm mang nhiều hàm ý. Một nghiên cứu về làng xã ở Việt Nam đã cho rằng nhóm này thường có năng lực, quyền lực vượt trội và do đó có thể duy trì ảnh hưởng tới cộng đồng. Những ưu thế này có được nhờ họ sở hữu nhiều nguồn lực kinh tế, quyền lực chính trị và uy tín cá nhân. Họ có thể được trao truyền từ thế hệ trước hoặc qua địa vị xã hội, trình độ học vấn (Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Thị Thanh Bình, 2018). Một nghiên cứu khác ở Indonesia chỉ ra rằng, nhóm tinh hoa địa phương thường sở hữu nguồn lực vật chất và có địa vị xã hội hơn hẳn so với các nhóm còn lại; họ là lãnh đạo của bộ máy chính quyền địa phương cũng như các tổ chức xã hội khác. Tuy nhiên, tại một điểm nghiên cứu khác cũng ở Indonesia, nhóm tinh hoa được phân thành hai nhóm nhỏ bao gồm: 1) Đại diện cho cộng đồng tại chỗ, các phần tử cấp tiến, có ảnh hưởng tới cộng đồng địa phương trong thời gian dài; 2) nhóm tinh hoa chuyên nghiệp vốn có học vấn và địa vị kinh tế cao trong cộng đồng. Thông điệp mà nghiên cứu này chỉ ra là khái niệm tinh hoa địa phương hết sức đa dạng, tùy thuộc vào từng bối cảnh cụ thể (Dasgupta and Beard, 2007). Có nghiên cứu đã chỉ ra nhóm tinh hoa là nhóm nắm nhiều quyền lực nhất và có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển toàn diện đối với mọi nhóm xã hội (Daloz, 2010).

Nghiên cứu của Lin (2015) chỉ ra rằng, năng lực của chính quyền và nền dân chủ có ảnh hưởng đến mức độ tổn thương của con người trước thiên tai. Trong mối liên hệ này, vai trò của tầng lớp lãnh đạo đóng vai trò quyết định đến mức độ thành công của việc phòng chống thiên tai, phục hồi sinh kế. Nghiên cứu ở Malawi, quốc gia thuộc vùng Đông Nam châu Phi cho thấy, vai trò của các tộc trưởng hết sức quan trọng trong việc thiết kế, triển khai các chương trình hỗ trợ phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu bởi họ là nhóm chi phối khá toàn diện với cộng đồng địa phương, có địa vị cao ở địa phương (Kita, 2018). Tuy nhiên, không phải lúc nào nhóm tinh hoa địa phương cũng đóng vai trò tích cực trong quá trình này. Nghiên cứu của Paprocki (2018) cho thấy, các nhà tài trợ và nhóm tinh hoa địa phương thường sử dụng những dự án hỗ trợ làm công cụ để chuyển đổi sinh kế từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, dịch vụ. Đáng tiếc, những can thiệp này lại càng khiến các cộng đồng khác trở nên dễ bị tổn thương hơn

và trên thực tế trở thành phương tiện để nhóm tinh hoa chi phối nhiều hơn tới sinh kế của người dân, tăng cường quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nhóm tinh hoa đã tận dụng vị thế của mình để chi phối tới quá trình phân bổ các hỗ trợ tu sửa nhà cửa do các tổ chức từ bên ngoài cung cấp trong khi nhóm bị ảnh hưởng nặng nề nhất lại không nhận được các hỗ trợ kịp thời (Takasaki, 2009). Trong làng xã của người Việt trước đây và hiện nay, nhóm tinh hoa thường không có đóng góp nhiều về mặt kinh tế đối với cộng đồng (Bùi Xuân Đính, Nguyễn Thị Thanh Bình, 2018).

Nghiên cứu này không tiếp cận khái niệm nhóm tinh hoa như nhiều nghiên cứu trước, vốn thiên từ góc độ quyền lực chính trị, nguồn lực vật chất và được định danh dưới góc nhìn chủ quan của nhà nghiên cứu. Thay vào đó, nghiên cứu áp dụng cách hiểu của chung của người dân, được rút ra từ 54 cuộc phỏng vấn sâu với không chỉ đại diện lãnh đạo xã, thôn bản (9 người) mà cả người dân (45 người). Theo đó, một cá nhân được coi là tinh hoa khi người đó “có uy tín”, “có ảnh hưởng”, hay “có vai trò” quan trọng trong thôn bản. Họ phải có đầy đủ những phẩm chất dưới đây. Cần lưu ý là việc sắp xếp không mang hàm ý mức độ quan trọng: 1) Am hiểu phong tục tập quán của dân tộc; 2) Tham gia tích cực vào các hoạt động của thôn bản; 3) Thực hiện tốt các nghĩa vụ mà thôn bản đề ra; 4) Am hiểu chính sách của Nhà nước; 5) Bản thân và gia đình gương mẫu trong tuân thủ pháp luật, gương mẫu trong đời sống, không có vi phạm gì về pháp luật cũng như phong tục, truyền thống của dân tộc; 6) Có kiến thức về kỹ thuật canh tác, phương thức làm ăn và thường xuyên chia sẻ với người dân trong thôn bản; 7) Có thái độ sống chan hòa, thân thiện với người trong thôn bản, không phân biệt giàu nghèo, địa vị.

So với các định nghĩa từ những nghiên cứu trước, có thể thấy cách hiểu của người Bru - Vân Kiều trong nghiên cứu này có một số khác biệt quan trọng. Thứ nhất, quyền lực chính trị hay mức độ giàu có không phải là yếu tố bắt buộc phải có. Thứ hai, yếu tố gia đình và những người thân trong gia đình cũng có ảnh hưởng tới việc một cá nhân được xem là tinh hoa hay không. Thứ ba, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, người dân trong thôn bản được coi là phẩm chất buộc phải có. Thứ tư, tuổi tác không phải là yếu tố tiên quyết. Thứ năm, trình độ học vấn cũng không phải là tiêu chí quan trọng. Trong khi đó, điểm tương đồng trong quan niệm của người Bru - Vân Kiều về nhóm tinh hoa so với một số nghiên cứu trước là yêu cầu am hiểu văn hóa truyền thống của tộc người cũng như các quy định của Nhà nước. Thêm vào đó, cách tiếp cận của nghiên cứu này đối với khái niệm ứng phó với thiên tai bao gồm tất cả các hoạt động giúp họ có thêm nguồn lực, điều kiện cũng như năng lực giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Những hoạt động này có thể được tiến hành trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai.

1. Khái quát về điểm nghiên cứu

Bài viết là kết quả của hai đợt nghiên cứu thực địa tại xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình vào tháng 8 và tháng 12 năm 2022. Xã Trường Xuân có 9 thôn, trong đó 5 thôn đa số là người Kinh (Quyết Thắng, Rào Đá, Kim Sen, Trường Nam, Rào Trù), 4

bản đa số là người Bru - Vân kiều (Lâm Ninh, Khe Ngang, Khe Giây, Hang Chuồn). Theo số liệu của Ủy ban nhân dân (UBND) xã, tính đến cuối năm 2022, toàn xã có 810 hộ với 2.962 khẩu. Số hộ người Bru - Vân Kiều là 257 với 857 người. Tỷ lệ nghèo toàn xã năm 2021 là 25,3% nhưng tỷ lệ nghèo ở người DTTS là 55,3%. Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2021 là 38 triệu đồng nhưng chỉ là 23 triệu đồng nếu tính riêng với người Bru - Vân kiều. Sản xuất nông lâm nghiệp là hoạt động sinh kế quan trọng của người dân. Tuy nhiên, toàn xã chỉ có 75ha diện tích lúa nước và khoảng 55% số hộ có đất ruộng nước.

Tỷ lệ nghèo và cận nghèo ở người DTTS theo báo cáo của UBND xã Trường Xuân là 55,3% và 38,5%, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ nghèo và cận nghèo chung của xã là 25,3% và 17,04%. Thực tế này tương đồng với bức tranh kinh tế ở bình diện quốc gia. Kết quả điều tra kinh tế - xã hội ở người DTTS năm 2019 do Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê thực hiện cho thấy tỷ lệ nghèo và cận nghèo ở người DTTS là 35,5%, cao gấp 3,5 lần so với tỷ lệ chung của cả nước. Tỷ lệ hộ đang sống trong nhà thiếu kiên cố là 16,9% (Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, 2019). Không chỉ tỷ lệ nghèo và thu nhập tiền mặt, hầu hết các chỉ số liên quan đến tài sản, nhà cửa, cơ sở hạ tầng khác của người Bru - Vân kiều đều thấp hơn so với mặt bằng chung của xã. Điều đó cho thấy giống như ở nhiều khu vực miền núi, biên giới khác, nguồn lực kinh tế của người DTTS hạn chế hơn so với người Kinh. Tương tự như vậy, năng lực ứng phó với thiên tai và khả năng phục hồi sau thiên tai của họ sẽ không thể hiệu quả như so với người Kinh bởi quá trình này đòi hỏi cần nhiều nguồn lực vật chất khác nhau.

Tại xã Trường Xuân, hai điểm được khảo sát sâu là thôn Lâm Ninh và thôn Khe Ngang. Đây là hai trong số bốn bản có đa số người Bru - Vân Kiều sinh sống. Tỷ lệ nghèo và cận nghèo ở hai thôn khảo sát cũng cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của xã. Đặc biệt, tính đến cuối năm 2012, 100% số hộ ở thôn Lâm Ninh thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo. Mặc dù diện tích đất lúa trung bình hộ ở hai thôn cao hơn so với mức bình quân của xã, tuy nhiên số hộ không có đất lại khá cao: 12/55 hộ ở Lâm Ninh và 65/121 hộ ở Khe Ngang. Đây thường là những hộ của các cặp vợ chồng mới kết hôn, hay mới tách khẩu. Hơn nữa, theo đánh giá của UBND xã, diện tích đất lúa nước của xã Trường Xuân thuộc diện thấp nhất so với các xã trong toàn huyện. Bảng dưới đây cung cấp một vài số liệu về xã và hai thôn khảo sát tính đến cuối năm 2022.

Bảng 1: So sánh một vài thông số giữa cấp xã và hai bản nghiên cứu

Thông tin	Toàn xã	Bản Lâm Ninh	Bản Khe Ngang
Số hộ (hộ)	810	53	126
Số khẩu (người)	2.962	300	447
Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 (%)	25,3	45,2	37,1
Tỷ lệ cận nghèo năm 2022 (%)	17,04	52,8	38,1
Đất lúa (ha)	75	5,1	18

Tỷ lệ hộ không có đất lúa (%)	45	21,8	53,7
Diện tích đất lúa bình quân hộ (m ²)	925,4	1.000	1.487
Đất hoa màu (ha)	189	10,6	24,9
Diện tích đất hoa màu bình quân hộ (ha)	0,23	0,19	0,2
Diện tích rừng sản xuất (ha)	2.048,4	126	54,4
Diện tích đất rừng sản xuất bình quân hộ (ha)	2,5	2,2	0,4
Tỷ lệ nhà kiên cố (%)	85	30	41
Tổng đàn gia súc (con)	2.361	257	485
Số gia súc trung bình hộ (con)	2,9	4,6	4
Tổng đàn gia cầm (con)	29.499	455	1.649
Số gia cầm trung bình hộ (con)	36,4	8,2	13,6

Nguồn: UBND xã Trường Xuân, năm 2022

Do nằm trong thung lũng nhỏ hẹp, bao quanh là các vách đá có độ dốc cao, hệ thống thủy lợi không phát triển, nên trong thực tế chỉ gần 40% diện tích đất lúa nước ở bản Khe Ngang canh tác hai vụ. Chính vì thế, người dân cho rằng yếu tố quyết định giúp họ “thoát nghèo” nhanh hơn so với người đồng tộc ở bản Lâm Ninh là do chịu khó đi làm thuê, làm ăn xa nhiều hơn và đặc biệt là ngày càng có nhiều người đi xuất khẩu lao động (XKLĐ). Tính đến cuối năm 2022, toàn bản Khe Ngang có 18 người đã hoặc đang đi lao động ở một số quốc gia như Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ả Rập Xê Út.

2. Tình hình thiên tai ở địa bàn nghiên cứu

Bão và lũ lụt là hai loại hình thiên tai phổ biến ở huyện Quảng Ninh cũng như xã Trường Xuân, thường diễn ra vào tháng 10 đến tháng 11 hàng năm. Theo hồi cố của người dân, năm 2013 và 2016 có hai trận bão lớn lên đến cấp 12, gây thiệt hại nặng nề cho xã. Trận lũ lịch sử tháng 10 năm 1992 đã cướp đi sinh mạng của hàng trăm người trên địa bàn huyện, trong khi cơn bão năm 2013 đã gây gãy đổ gần 100% diện tích rừng keo, cao su trên địa bàn xã. Trận lũ lịch sử diễn ra trong tháng 10 năm 2020 gây thiệt hại nặng nề cho các tỉnh miền Trung, trong đó có tỉnh Quảng Bình. Huyện Quảng Ninh là một trong số huyện chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đợt thiên tai này trong phạm vi tỉnh. Trong phạm vi huyện, Trường Xuân là một trong các xã chịu nhiều thiệt hại. Trận lũ này đã gây ngập sâu, trên diện rộng ngoài sức tưởng tượng của người dân và dự báo của chính quyền xã Trường Xuân. Toàn xã đã bị chia cắt với huyện trong gần 1 tuần và nhiều thôn bản bị cô lập do đường giao thông bị ngập sâu trên 1m. Dù không gây thiệt hại về người, sạt lở nhà, cơn bão này cũng đã để lại nhiều hệ quả tiêu cực đối với hoạt động sản xuất cũng như đời sống của người dân, trong đó có người Bru - Vân Kiều ở hai thôn Khe Ngang và Lâm Ninh.

Bảng 2: Thiệt hại do thiên tai gây ra trong tháng 10 năm 2020

Loại hình thiệt hại	Toàn xã	Thôn Lâm Ninh	Thôn Khe Ngang
Tổng số hộ bị ảnh hưởng (hộ)	235	12	32
Số nhà bị ngập (ngôi nhà)	38	12	32
Số nhà bị sạt lở (ngôi nhà)	0	0	0
Diện tích đất lúa bị thiệt hại tạm thời (ha)	2.3	0	0
Diện tích đất lúa bị thiệt hại vĩnh viễn (ha)	8	0	0
Số trâu bò bị chết (con)	18	0	0
Số gia cầm bị chết (con)	12.724	300	700

Nguồn: UBND xã Trường Xuân, năm 2022

Trong hai bản khảo sát, bản Khe Ngang có số hộ bị thiệt hại nhiều hơn do nằm trong thung lũng, có địa hình thấp, bao quanh là các dãy núi đá. Khi mưa lớn kéo dài, mức ngập lụt cao hơn so với bản Lâm Ninh (vốn có địa hình cao hơn, nằm ven sông Lâm Đại nên dễ thoát nước). Trong số 32 ngôi nhà bị ngập lụt, có 18 ngôi bị ngập sâu trên 2m, buộc phải di dời đến nhà văn hóa của bản hoặc đến nhà họ hàng trong 4 ngày, chờ khi lũ rút mới có thể quay về. Cũng vì lý do địa hình mà thiệt hại về gia cầm ở Khe Ngang cũng cao hơn 2 lần so với Lâm Ninh. Diện tích lúa ở hai bản không bị thiệt hại bởi thời điểm này chưa đến vụ đông xuân.

3. Hoạt động hỗ trợ phòng chống thiên tai

Các cộng đồng địa phương đã nhận được nhiều hỗ trợ để nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai từ chính sách của Nhà nước cũng như từ các nguồn lực khác. Tuy nhiên, trái ngược với kỳ vọng, những hỗ trợ ấy nhiều khi lại làm gia tăng mức độ tổn thương; tái phân bổ mức độ tổn thương giữa các nhóm trong cộng đồng hoặc dẫn đến những tổn thương mới. Điều này có thể bị ảnh hưởng bởi: 1) Hiểu biết hạn chế về bối cảnh địa phương; 2) Sự tham gia không bình đẳng của các bên liên quan trong quá trình thiết kế cũng như triển khai các hỗ trợ; 3) Áp dụng chồng lấn các biện pháp ứng phó mới lên các biện pháp hiện hành; 4) Thiếu sự gắn kết với quan điểm của địa phương về sự thành công của quá trình thích ứng (Eriksen et al, 2021). Bên cạnh đó, những hỗ trợ phòng chống thiên tai hay biến đổi khí hậu có thể không chỉ gia tăng bất bình đẳng về quan hệ quyền lực mà còn dẫn đến những căng thẳng về chính trị, đặc biệt khi những hỗ trợ ấy liên quan đến các hoạt động sinh kế, thay đổi quan hệ quyền lực hay thể chế hóa quản trị môi trường, thay đổi phương thức quản lý tài nguyên thiên nhiên (Nightingale, 2017). Có nghiên cứu đã chỉ ra nhóm khá giả và có quyền

lực được hưởng lợi nhiều hơn trong các dự án, chương trình hỗ trợ (Omukuti, 2020a). Một nghiên cứu khác ở Việt Nam đã chỉ ra rằng, những hỗ trợ người dân thích ứng với biến đổi khí hậu hay thiên tai đem lại lợi ích nhiều hơn cho nhóm có đất do chủ yếu tập trung vào sản xuất nông nghiệp hay chuyển đổi hoạt động sinh kế (Chapman et al, 2016).

Những can thiệp cũng có thể khiến người dân phải trả giá nhiều hơn về mặt kinh tế, xã hội và môi trường hoặc xem nhẹ các chiến lược thích ứng truyền thống của người dân địa phương: sự tăng giá phân bón và thuốc trừ sâu có thể làm tăng rủi ro về mặt sức khỏe và môi trường; phát triển hệ thống thủy lợi kiên cố có thể giảm nguồn nước cho nhu cầu sử dụng tại địa phương. Cũng có can thiệp có thể khiến người nông dân gánh thêm nhiều khoản nợ hay phải làm việc nhiều hơn (IPCC, 2018). Ở Bangladesh, dự án nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống cơ sở hạ tầng ven biển nhằm mục đích phòng chống bão, lụt vô hình trung khuyến khích người dân tiếp tục cư trú ở những nơi có rủi ro cao dẫn đến sai về nguyên tắc thích ứng (Magnan et al, 2016). Chính sách tái định cư cũng có thể dẫn đến việc lè hóa một số cộng đồng, đe dọa an ninh lương thực như trường hợp áp dụng với nhóm du mục ở Ethiopia (Haji and Legesse, 2017). Việc xây dựng một số cơ sở hạ tầng nhằm điều tiết lũ, chống ngập lụt có thể giảm rủi ro cho khu vực này nhưng rất có thể khiến cộng đồng khác phải đối mặt với nhiều thách thức mới từ việc bị thu hồi đất, hạn chế quyền hưởng dụng đất cũng như tài nguyên rừng (Beckman, 2011; Thomas and Warner, 2019).

Điều đáng lưu ý là cộng đồng địa phương và các nhóm yếu thế thường ít có tiếng nói trong quá trình thiết kế, triển khai các biện pháp thích ứng được thúc đẩy từ bên ngoài (Mikulewicz, 2020). Quá trình tham vấn dù được triển khai nhưng do áp lực cần có kết quả nhanh, hoạt động này thường dựa vào các thể chế quản trị hiện có và vì thế tiếng nói của những nhóm bị lè hóa thường không được lắng nghe đầy đủ (Nightingale, 2017). Dự án phát triển kinh tế xanh ở Tanzania bao gồm đầu tư vào nông nghiệp, bảo tồn tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu đã khiến nhiều nhóm du mục phải tái định cư, khiến đời sống của họ đối mặt với nhiều rủi ro hơn do không được tham vấn đầy đủ về nhu cầu cũng như các tri thức truyền thống của họ bị xem nhẹ (Bergius et al, 2018). Sự tham gia của người dân, nếu có, chỉ mang tính biểu tượng và việc thiết kế các chương trình hỗ trợ vẫn chủ yếu được xây dựng theo cách tiếp cận từ trên xuống. Thậm chí những nhóm yếu thế có khi còn bị lè hóa (Omukuti, 2020b). Để có thể hỗ trợ các nhóm địa phương, đặc biệt nhóm dễ tổn thương nâng cao năng lực thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu, yêu cầu tiên quyết là cần thấu hiểu lịch sử, văn hóa, điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường địa phương và nhu cầu của chính họ, đặc biệt là ý kiến về việc cần phải làm gì, làm như thế nào để giảm thiểu rủi ro. Trong khi đó, do hạn chế thời gian, nguồn lực, việc thiết kế các hành động can thiệp thường dựa vào một số chuyên gia đến từ bên ngoài, bỏ qua sự tham gia của chính người dân (Eriksen et al, 2021).

Từ cuối năm 2020, sau đợt lụt lịch sử, UBND huyện Quảng Ninh quy hoạch một khu vực với diện tích 3ha để di dời 50 hộ dân từ những khu vực dễ bị ngập lụt, sạt lở ở xã Trường Xuân đến khu tái định cư mới. Khu vực này nằm gần bản Khe Giây của xã Trường Xuân,

hiện là đất trồng hoa màu do UBND xã quản lý, giao thuê cho hộ gia đình canh tác. Dự kiến chính quyền sẽ đầu tư xây dựng nhà văn hóa, sân vận động, tạm thời phân khu đất ở thành 50 lô với diện tích mỗi lô từ 300 đến 400m². Về mặt chủ trương, các hộ tình nguyện tái định cư sẽ nhận được một lô đất miễn phí và khoản hỗ trợ di dời là 20 triệu đồng nhưng đất ở cũ sẽ bị thu hồi, hoặc chỉ cho phép chuyển thành đất canh tác tạm thời. Tính đến cuối năm 2022, việc giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng ở nơi tái định cư mới chưa được tiến hành và mới có 10 hộ chuyển đến. Bên cạnh đó, tại thôn Rào Đá của xã Trường Xuân, một diện tích 5ha cũng được quy hoạch nhằm tái định cư cho các hộ dân đang sinh sống khu vực lòng hồ Rào Đá. Tại thôn Khe Ngang, chính quyền cũng quy hoạch 1ha nhằm tái định cư cho các hộ người Bru - Vân Kiều sống ở khu vực có nguy cơ ngập, sạt lở cao trong thôn. Tuy nhiên, hai khu tái định cư này mới nằm trong quy hoạch, cơ sở hạ tầng chưa được xây dựng nên việc di dời người dân chưa thể triển khai.

Bên cạnh đó, UBND huyện cấp cho mỗi xã 1 thuyền máy, xã dùng ngân sách được cấp mua thêm 2 thuyền máy để phục vụ công tác di dời dân, tuần tra, kiểm tra khi có bão lũ. UBND xã cũng đã cử 5 cán bộ xã đi học lái thuyền máy trong thời gian 6 tháng tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Áo phao được cấp cho các thành viên Ban Phòng, chống thiên tai của xã và Tiểu Ban phòng, chống thiên tai ở cấp thôn bản. Mỗi thôn cũng được cấp 1 bè phao, chở tối đa được 3 người. Sau trận lụt tháng 10 năm 2020, với sự ủng hộ của các cá nhân, tổ chức, 100% người dân trong xã đã được cấp áo phao miễn phí. Hội Chữ thập đỏ huyện Quảng Ninh đã làm cầu nối để các xã trong huyện tiếp nhận được 21,7 tỷ đồng đến từ 170 tổ chức cá nhân, từ trung ương tới địa phương. Hội cũng đã thành lập đội ứng phó thảm họa, phòng ngừa thiên tai với 22 thành viên; tổ chức nhiều khóa tập huấn các kỹ năng thoát hiểm khi có bão lũ. Bên cạnh đó, Hội cũng trích 15,8 triệu đồng mua hàng hóa cứu trợ cho người dân ở những nơi bị ngập sâu trong năm 2020; bàn giao 40 con bò giúp các hộ dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong đợt lũ 2021.

Tại xã Trường Xuân, do là địa bàn thường xuyên có bão, lũ nên chính quyền địa phương từ cấp tỉnh đến xã đã thành lập các Ban Phòng, chống thiên tai với sự tham gia liên ngành nhằm ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, thành phần là đại diện của UBND xã, Mặt trận Tổ quốc, công an, địa chính và các ban ngành đoàn thể khác. Trưởng Ban là Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã. Ở cấp thôn bản, Tiểu Ban phòng, chống thiên tai cũng được thành lập với tối đa 9 thành viên, tối thiểu 5 thành viên. Đứng đầu tiểu ban là trưởng thôn, có đại diện của 1 cán bộ xã; các thành viên khác là đại diện cho các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc thôn.

4. Vai trò của nhóm tinh hoa trong ứng phó với thiên tai

Tại thôn Khe Ngang và Lâm Ninh, kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm đưa ra danh sách một số người được đa số coi là “tinh hoa”, “có uy tín”, “có ảnh hưởng” hay “người tiêu biểu”. Trong số này, ở thôn Khe Ngang có 7 người và ở thôn Lâm Ninh có 4 người. Điều đáng nói là trong số 11 cá nhân được người dân ở hai thôn coi là tinh hoa, chỉ có 3 người là

cán bộ thôn (2 ở Khe Ngang và 1 ở Lâm Ninh¹), trong khi 8 người còn lại chỉ là dân thường. Trong số 7 người được coi là tinh hoa ở bản Khe Ngang, có 2 là người Kinh trong khi ở bản Lâm Ninh, toàn bộ 4 người này đều là người Bru - Vân Kiều (do không có người Kinh sống trong bản). Yếu tố tộc người vì thế không phải là tiêu chí quan trọng theo như thừa nhận của người dân. Dựa trên kết quả khảo sát, 11 cá nhân này có một số đặc điểm chung là: tuổi đời đa số dưới 45 (trừ có 1 trường hợp trên 45 tuổi); không phải là hộ nghèo, cận nghèo; được đánh giá ở mức khá về mặt kinh tế trong bản; có nhà cửa kiên cố; có trình độ học vấn tối thiểu 12/12; có trên 4 ha trồng keo hoặc trên 10 con trâu bò; trong gia đình không có ai nghiện hay vướng vào các tệ nạn xã hội; các thành viên trong đại gia đình đoàn kết, không có hiện tượng bất hòa, tranh chấp đất đai, nhà cửa.

Theo đánh giá của người dân, những cá nhân trên bên cạnh là tấm gương tốt cho người dân trong thôn học tập kinh nghiệm sản xuất, trong đời sống còn có nhiều đóng góp tích cực vào việc duy trì tính ổn định, sự đoàn kết và quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Quá trình đó gián tiếp giúp họ tăng khả năng ứng phó với thiên tai, giảm thiểu tối đa thiệt hại khi có bão lũ. Những đóng góp này thể hiện qua nhiều phương diện khác nhau, được trình bày ở những phần dưới đây.

4.1. Vai trò của giới tinh hoa trong việc xin hỗ trợ sửa nhà

Từ năm 2019 đến cuối năm 2022, một số tổ chức chính trị như: Hội Chữ thập đỏ, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh trong tỉnh có chính sách hỗ trợ tiền cho các hộ nghèo để xây nhà kiên cố, giúp giảm thiểu sạt lở, ngập lụt khi có bão lũ. Tại thôn Khe Ngang có 6 hộ nhận được hỗ trợ trong khi con số này ở thôn Lâm Ninh là 3. Điều kiện chung để các hộ gia đình nhận được hỗ trợ là phải thuộc diện hộ nghèo, đang sinh sống trong những ngôi nhà tạm, có đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Mức kinh phí được hỗ trợ dao động từ 50 đến 80 triệu đồng, tùy thời điểm xét. Việc bình chọn các hộ phải được tiến hành tại cuộc họp thôn với sự tham dự của đại diện tất cả các hộ dân, dưới hình thức biểu quyết. Kết quả bình chọn được gửi lên cấp xã rồi từ đó chuyển về huyện. Việc giải ngân chỉ được tiến hành sau khi huyện thành lập đoàn kiểm tra về tận thôn để kiểm chứng và sau khi hộ dân đã bắt đầu triển khai hoạt động xây dựng. Quy trình trên áp dụng chung cho tất cả các xã ở huyện Quảng Ninh và các thôn ở xã Trường Xuân. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai ở hai thôn Lâm Ninh và Khe Ngang, một số rào cản gặp phải bao gồm: 1) Làm thế nào để chọn 1-2 hộ trong số hàng chục hộ cùng thuộc diện hộ nghèo, cùng đang cư trú trong ngôi nhà tạm; 2) Làm thế nào để hộ được lựa chọn nhưng đang sinh sống trên đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nhận được hỗ trợ kinh phí xây nhà?

Theo đánh giá của người dân, vai trò của nhóm tinh hoa ở thôn Khe Ngang và thôn Lâm Ninh hết sức quan trọng trong việc lựa chọn đối tượng phù hợp nhất. Trong hai năm 2019 và 2020, khi họp thôn Khe Ngang, có một số hộ đồng thời đạt hai tiêu chí hộ nghèo và đang cư trú trong ngôi nhà tạm. Trong quá trình họp thôn, trưởng thôn (đồng thời được người dân

¹ Để đảm bảo quyền riêng tư và tính nhạy cảm, tác giả không đề cập cụ thể danh tính của từng người này.

đánh giá là người có uy tín) cùng những người có uy tín khác trong thôn đã đề xuất phải xem xét thêm các yếu tố như sở hữu đất đai, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình cụ thể để lựa chọn. Trên cơ sở đó, mỗi năm đã có 1 hộ được lựa chọn. Hộ thứ nhất là phụ nữ đã ly hôn, phải nuôi 2 con nhỏ, không có đất rừng, không có đất lúa nước. Điều may mắn là hộ này được cha mẹ cho một miếng đất nhỏ ven đường trong thôn. Các thảo luận đưa ra đã thống nhất hộ này là ưu tiên số 1 vì khi xây được nhà, bà mẹ đơn thân có điều kiện mở quán bán hàng, vừa có thu nhập, vừa tiện chăm sóc con nhỏ. Nhằm đảm bảo việc xây nhà có thể hoàn thành (do kinh phí hỗ trợ chỉ đủ khoảng 60% kinh phí), hộ gia đình này đã được hỗ trợ vay vốn diện hộ nghèo thông qua Hội Phụ nữ và ngôi nhà kiên cố đã được hoàn thành trong năm 2019. Hiện nay, hộ này mở quán tạp hóa và ăn sáng, đảm bảo thu nhập cho gia đình. Trường hợp thứ hai cũng là một bà mẹ đơn thân có hai con gái nhỏ, sống trong ngôi nhà tạm. Nhờ được cấp kinh phí mà gia đình có thể xây được nhà kiên cố để ở từ năm 2022, người mẹ có thể đi làm thuê ở xã Trường Sơn trong huyện, yên tâm để con ở nhà cùng với bà ngoại. Đáng nói hơn, cả hai trường hợp này đã được trưởng thôn hướng dẫn làm thủ tục xin tách thửa đất để xin cấp GCNQSDĐ nhằm đạt tiêu chí yêu cầu để nhận được tài trợ. Hộ thừa nhận nếu không được giúp đỡ cách làm đơn, hoàn thành các thủ tục yêu cầu thì việc cấp GCNQSDĐ sẽ không kịp thời và qua đó ảnh hưởng đến khả năng được nhận tài trợ. Trong khi đó, tại thôn Lâm Ninh, ngoài các tiêu chí trên, việc xem xét lịch sử đã nhận được hỗ trợ trong những năm trước cũng được coi là tiêu chí quan trọng. Theo đó, những hộ nghèo nhưng mới nhận được hỗ trợ trâu bò, tu sửa nhà cửa từ các nguồn khác sẽ nhường cho những hộ nghèo chưa nhận được hỗ trợ tương ứng. Hoàn cảnh neo đơn, bệnh tật là hai yếu tố quan trọng được đưa ra để so sánh giữa các hộ nghèo. Điểm chung ở hai bản là việc lựa chọn hộ thụ hưởng hỗ trợ sửa chữa nhà cửa đều được tiến hành thông qua họp thôn. Các thành viên tham gia dự họp đều được phát biểu công khai, bình đẳng. Quyết định cuối cùng được đưa ra dựa trên việc bỏ phiếu bằng hình thức biểu quyết.

Trong bối cảnh gió lốc, bão lụt xảy ra thường xuyên và khó lường, kiên cố hóa nhà cửa là ưu tiên hàng đầu, được người dân coi là biện pháp thích ứng ưu tiên nhằm giúp họ yên tâm sinh sống. Vai trò của nhóm tinh hoa mà đại diện là lãnh đạo thôn hết sức quan trọng bởi họ không chỉ làm cầu nối giữa người dân với chính quyền mà còn hỗ trợ kỹ thuật giúp người dân hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục hành chính cần thiết. Tại thôn Khe Ngang, một cá nhân người Kinh, người cũng được xếp vào nhóm tinh hoa đã giới thiệu cho người Bru - Vân Kiều trong bản có nhu cầu xây, sửa chữa nhà cửa với đại lý buôn bán vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước là người Kinh ở khu vực trung tâm xã để ký hợp đồng xây dựng hay mua bán vật liệu. Việc sở hữu ngôi nhà kiên cố ngoài việc tạo ra nơi sinh hoạt an toàn còn giúp các hộ nghèo yên tâm đi làm ăn xa, giảm thời gian phải di chuyển đến nơi ở tạm khi mùa bão lũ đến mà trường hợp hai hộ ở bản Khe Ngang là ví dụ.

4.2. Vai trò của giới tinh hoa trong giới thiệu việc làm

Đi lao động nước ngoài là điểm nổi bật, được coi là nhân tố quan trọng giúp Khe Ngang trong 10 năm trở lại đây vươn lên thành thôn phát triển kinh tế nhất trong số 4 thôn người

Bru - Vân Kiều. Cần lưu ý là theo đánh giá của người dân, từ khoảng năm 2012 trở về trước Khe Ngang được coi là thôn nghèo nhất trong khi Khe Giây mới là thôn đứng đầu về phát triển kinh tế. Tính đến cuối năm 2022, chỉ riêng trong thôn Khe Ngang đã có 20 người Bru - Vân Kiều đã hoặc đang làm việc tại Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia hay Ả Rập Xê Út. Đây cũng là thôn có người DTTS đi xuất khẩu lao động (XKLĐ) nhiều nhất trong toàn huyện Quảng Ninh. Trong số 20 người đó, đã có 18 người trở về nước, 7 người đang chuẩn bị thủ tục đi XKLĐ tiếp. Thu nhập từ việc đi làm ăn xa này đã giúp 5 hộ có điều kiện xây dựng nhà kiên cố; 6 hộ (đã có nhà kiên cố) đầu tư mua trâu để chăn nuôi (từ 5-15 con) và mua sắm đồ dùng tiện nghi cho gia đình. Tính đến cuối năm 2020, không hộ nào trong số hộ có người đi XKLĐ thuộc diện nghèo hay cận nghèo của bản.

Người đầu tiên trong thôn Khe Ngang đi XKLĐ là một nam giới vào năm 2016 với điểm đến là Đài Loan. Tại thời điểm đó, tâm lý của đại bộ phận người Bru - Vân Kiều vẫn e ngại với việc đi XKLĐ do tin đồn về những rủi ro gặp phải. Bên cạnh tâm lý e sợ, tài chính cũng là một nguyên nhân quan trọng khiến cho trước năm 2016 hầu như không có người dân trong thôn đăng ký đi. Dù đủ tiêu chuẩn sức khỏe, chuyên môn theo yêu cầu của nhà tuyển dụng, tổng chi phí một lao động phải trả để đi XKLĐ dao động từ 120 đến 160 triệu tùy quốc gia đến, nghề nghiệp hay thời điểm đăng ký. Đây là một số tiền quá lớn với người Bru - Vân Kiều ở hai thôn Khe Ngang và Lâm Ninh. Tuy nhiên, nhờ sự tư vấn của những hộ khá giả, đặc biệt từ nhóm người được coi là “có uy tín” trong thôn mà người dân dần thay đổi cách suy nghĩ về việc đi XKLĐ. Họ cũng được hướng dẫn cách làm thủ tục vay vốn từ ngân hàng chính sách để có kinh phí. Cá nhân tiêu biểu, đóng vai trò quan trọng trong quá trình này là một người Bru - Vân Kiều trong thôn Khe Ngang - người này có thời gian đi học ở Hà Nội nên đã thiết lập được quan hệ hợp tác với một công ty chuyên tuyển dụng người đi XKLĐ. Không chỉ giúp đỡ 20 người đồng tộc trong thôn Khe Ngang, cá nhân này còn giúp hàng chục người khác trong và ngoài xã suốt 8 năm qua, trong đó có cả một số người Kinh.

Trong khi đó, tại thôn Lâm Ninh, tính đến tháng 12 năm 2022 vẫn chưa có bất kỳ ai đi XKLĐ, dù thôn này cùng nằm trong xã Trường Xuân, cách không xa thôn Khe Ngang. Tâm lý e sợ với việc đi XKLĐ vẫn còn khá phổ biến trong đa số người dân. Lãnh đạo thôn cũng như những người được coi là tinh hoa không tham gia tư vấn cho người dân. Lý do chung được họ đưa ra là “*Mình không hiểu về lĩnh vực đó thì không dám nói cho người dân. Nhờ có việc không may xảy ra thì không biết ăn nói như thế nào với bà con*”. Chính vì thế, hoạt động làm thuê, dịch vụ của người dân chỉ gói gọn trong phạm vi thôn xã, gắn với việc đi trồng, chăm sóc hay thu hoạch keo thuê là chủ yếu. Công việc này theo người dân là “*làm ngày nào, ăn ngày ấy*”, không tạo ra tích lũy để phát triển kinh tế hộ gia đình bởi thu nhập trung bình từ một ngày đi làm thuê chỉ ở mức 150.000 - 200.000 đồng. Không chỉ ít đi làm ăn xa hay không đi XKLĐ, nguồn thu nhập của người dân trong thôn chủ yếu phụ thuộc vào cây lúa và trồng keo. Do diện tích lúa thấp, sản lượng thóc thu hoạch được gần như mới tạm đủ nhu cầu tiêu dùng của gia đình, không đem lại thu nhập tiền mặt. Trong khi đó, 1ha trồng keo chỉ đem lại lợi nhuận khoảng 25 triệu đồng sau 5- 6 năm, nếu chia trung bình tháng là một con số rất nhỏ.

Đáng lưu ý là khi có bão lớn, cây keo rất dễ bị đổ gãy và trên thực tế, năm 1995 và 2012 là hai năm điển hình khi gần như 100% diện tích keo bị phá hủy bởi cơn bão điển hình vào tháng 10. Chính vì lo sợ bão, người dân trong thôn thường thu hoạch keo sau 5-6 năm thay vì 7-8 năm như ở nhiều khu vực khác. Những nguyên nhân trên góp phần lý giải trong năm 2022, toàn bộ các hộ trong thôn hoặc là hộ nghèo hoặc là hộ cận nghèo.

Thu nhập có được từ đi XKLD gián tiếp làm tăng khả năng ứng phó với thiên tai cho người dân ở thôn Khe Ngang. Điều đó không chỉ thể hiện qua việc họ có đủ nguồn lực để cải tạo, kiên cố hóa nhà cửa mà cả qua việc đầu tư vào chăn nuôi, học hỏi kinh nghiệm làm ăn, đa dạng hóa nghề nghiệp. Người Bru - Vân Kiều ở thôn Lâm Ninh lý giải, sở dĩ thôn Khe Ngang phát triển kinh tế nhanh là nhờ vào có nhiều đất lúa. Tuy nhiên, những người đồng tộc của họ ở thôn Khe Ngang lại không đồng ý với nhận định đó; diện tích lúa nước của họ cao hơn so với 3 thôn còn lại nhưng điều đó chỉ giúp cơ bản đảm bảo an ninh lương thực chứ không đem lại thu nhập tiền mặt đáng kể; hơn thế nữa diện tích rừng sản xuất của họ lại thấp hơn nhiều so với người dân ở thôn Lâm Ninh cũng như 2 bản còn lại. Trái lại, theo họ, XKLD là nhân tố quan trọng, vừa giúp có thêm thu nhập tiền mặt, vừa giúp học hỏi được kinh nghiệm làm ăn. Một số người sau khi trở về từ nước ngoài đã đi học lái xe, lái máy xúc để xin vào làm việc tại mỏ đá gần thôn; học sửa chữa xe máy để đi làm thuê tại thị trấn huyện. Một số khác cũng đầu tư vào mô hình trang trại, chăn nuôi lợn, trâu với quy mô từ hàng chục con trở lên. Chính nhờ vào việc đa dạng hóa nguồn thu nhập, sự phụ thuộc của họ vào thời tiết, mức độ tổn thương trước thiên tai được giảm đi đáng kể.

4.3. Vai trò của giới tinh hoa trong việc chia sẻ kinh nghiệm sản xuất và đời sống

Tại địa bàn nghiên cứu, bên cạnh đi làm ăn xa, XKLD, theo người dân Khe Ngang, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng nhằm mục đích thương mại là nhân tố quan trọng khác giúp họ từng bước thoát nghèo, trở thành thôn có kinh tế phát triển nhất trong 4 thôn của người Bru - Vân Kiều. Các loại cây cao su, sả, nghệ được bắt đầu trồng với mục đích thương mại từ năm 2012. Tại thôn Khe Ngang, hộ tiên phong trồng sả được kể đến trong danh sách những người thuộc nhóm tinh hoa là một cặp vợ chồng trẻ người Bru - Vân Kiều (hiện đồng thời làm trung gian môi giới đi XKLD). Cặp vợ chồng này học kỹ thuật trồng sả từ người Kinh ở thôn khác trong xã. Họ đã chia sẻ giống, kinh nghiệm trồng, giới thiệu người thu mua cho các hộ dân khác trong thôn. Nhờ đó, chỉ sau hai năm, diện tích sả tăng lên nhanh chóng². Hiệu quả kinh tế mà cây sả đem lại, theo đánh giá của người dân, cao gấp gần 10 lần so với cây keo trên cùng một đơn vị diện tích. Trong khi đó ở Lâm Ninh, lúa nước và keo vẫn là hai loại cây trồng chính; diện tích cây sả, nghệ hay cao su hầu như không đáng kể. Sả và nghệ là hai cây trồng đem lại thu nhập quan trọng cho nhiều hộ gia đình ở Khe Ngang, giúp họ có thêm tích lũy, góp thêm vào việc tu sửa nhà và góp phần lý giải vì sao tỷ lệ nhà kiên cố ở Khe Ngang cao hơn so với ở Lâm Ninh.

² Do việc trồng tự phát và rải rác nên chính quyền xã không thống kê được diện tích chính xác.

Mặc dù số gia súc bình quân hộ ở Lâm Ninh cao hơn so với Khe Ngang nhưng trên thực tế, số hộ chăn nuôi ở quy mô trang trại có hàng chục con lợn, con trâu ở Khe Ngang lại cao hơn so với Lâm Ninh (7 hộ so với 1 hộ). Việc chăn nuôi tập trung, xây chuồng trại, tiêm phòng thường xuyên ở Khe Ngang chịu ảnh hưởng từ người Kinh sống cùng trong bản. Cách làm này giúp họ giảm được nguy cơ mắc bệnh, tăng khả năng chống chịu với thời tiết cho vật nuôi và đem lại hiệu quả kinh tế hơn. Bên cạnh đó, chăn nuôi tập trung cũng giúp người dân có thêm phân bón để chăm sóc lúa cũng như một số cây trồng khác. Trong khi đó, nhìn chung, cách chăn nuôi ở Lâm Ninh vẫn theo phương thức thả thả tự do, gia súc thả rông trên rừng và việc đi kiểm tra chỉ được tiến hành một tuần một lần. Từ năm 2015 đến nay, người Bru - Vân Kiều ở hai thôn trên nói riêng, trong toàn xã Xuân Trường nói chung đều thừa nhận thời tiết ngày càng khó lường, theo hướng cực đoan, nắng nóng bất thường vào mùa khô và lạnh, mưa kéo dài vào những tháng cuối năm. Trong bối cảnh đó, rõ ràng việc làm chuồng, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm ở thôn Khe Ngang đã giúp họ giảm được rủi ro trước bệnh dịch, thiên tai nhiều hơn so với người đồng tộc ở thôn Lâm Ninh.

Hoạt động buôn bán cũng phát triển mạnh hơn ở thôn Khe Ngang với 11 quán bán hàng tạp hóa, trong khi đó con số này ở Lâm Ninh chỉ là 2. Ngoài việc đem lại nguồn thu nhập bổ sung cho gia đình, các cửa hàng này cũng giúp người dân trong bản giảm chi phí đi lại nếu phải ra trung tâm xã mua hàng. Quan trọng hơn, thông qua việc buôn bán, nhập hàng, trao đổi với các đại lý người Kinh, người dân cũng học thêm kinh nghiệm quản lý tài chính như chính bản thân họ thừa nhận. Hai hộ tiên phong mở cửa hàng tạp hóa trong thôn Khe Ngang vào năm 2013 là một hộ người Kinh và một hộ người Bru - Vân Kiều, đó là những người được dân thôn xếp vào nhóm tinh hoa. Hai hộ này đều sống dọc trục đường chính liên thôn. Từ hai hộ này, 9 hộ còn lại bắt đầu mở cửa hàng vào các năm tiếp theo, trong đó 3 hộ có quan hệ họ hàng gần gũi; 2 hộ có quan hệ thông qua hôn nhân. Trong đợt lũ tháng 10 năm 2020, chính những quán tạp hóa này là nguồn cung cấp nhu yếu phẩm (mì tôm, muối, mắm, thực phẩm khô) quan trọng cho người dân ở Khe Ngang trong những ngày đầu thôn bị cô lập khi nước dâng cao.

Quy mô hộ gia đình ở thôn Khe Ngang cũng thấp hơn nhiều so với ở thôn Lâm Ninh (3,5 người/hộ so với 5,6 người/hộ). Tỷ lệ sinh con thứ 3 ở Khe Ngang được đánh giá ít hơn so với Lâm Ninh. Nguyên nhân quan trọng tác động tới khác biệt này là ảnh hưởng từ các hộ khá giả, những người được coi là tinh hoa trong thôn. Chính họ được người dân trong thôn coi là tấm gương để học theo và việc không sinh đẻ quá dày, quá nhiều giúp họ có thêm điều kiện chăm sóc con cái, đi làm ăn xa, tích lũy tài chính để tu sửa nhà, đầu tư vào sản xuất. Ngoài tỷ lệ sinh thấp hơn, hộ gia đình ở người Bru - Vân Kiều ở Khe Ngang chủ yếu là 2 thế hệ. Việc tách hộ khẩu cũng là nguyên nhân lý giải quy mô hộ gia đình ở đây nhỏ hơn so với ở Lâm Ninh. Việc làm này được khuyến khích, tư vấn bởi nhóm tinh hoa trong thôn nhằm mục đích vay vốn xây nhà, đầu tư cho sản xuất hoặc xin chuyển đổi một phần đất nông nghiệp sang đất ở như nhiều hộ dân thừa nhận.

4.4. Vai trò của giới tinh hoa trong việc tư vấn người dân vay vốn

Theo đánh giá của lãnh đạo thôn Khe Ngang, 95% số hộ trong thôn có vay vốn từ ngân hàng chính sách để phát triển kinh tế hay đi XKLD. Tỷ lệ này là 100% tại thôn Lâm Ninh nơi tất cả các hộ thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo. Tuy nhiên, trong khi việc vay vốn ở Khe Ngang chủ yếu nhằm mục đích đi XKLD, phát triển chăn nuôi thì ở Lâm Ninh lại hướng tới mục đích trả nợ, đầu tư vào trồng keo hay làm nhà là chủ yếu. Như đã trình bày ở phần trước, 100% người đi XKLD ở thôn Khe Ngang đều phải vay tiền từ ngân hàng. Hầu hết trong số họ không am hiểu thủ tục vay vốn, thủ tục làm hộ chiếu, đăng tuyển,... Việc vay vốn chỉ được ngân hàng giải ngân khi người vay có minh chứng từ công ty tuyển dụng. Trong khi đó, phía công ty tuyển dụng chỉ có thể ký hợp đồng khi người lao động đã hoàn thành các thủ tục hành chính. Các quy định này đặt người dân vào một thế lưỡng nan bởi họ không có đủ năng lực tài chính để chi trả trước các chi phí cần thiết. Trong bối cảnh đó, một cặp vợ chồng người Bru - Vân Kiều trong thôn đã hướng dẫn người dân làm các thủ tục cần thiết để ký thỏa thuận tạm thời với công ty XKLD, xin bảo lãnh từ ngân hàng để khi được tuyển dụng chính thức, ngân hàng sẽ chuyển khoản vay vào tài khoản của công ty tuyển dụng. Trái lại, do đa số lớp tinh hoa trong thôn Lâm Ninh dựa vào diện tích trồng keo lớn, sinh kế của họ gắn với nông, lâm nghiệp nên ít am hiểu hơn các thủ tục vay vốn và vì thế không thể tư vấn cho người dân trong bản của mình.

Bên cạnh đó, việc thế chấp tài sản để vay vốn phát triển kinh tế cũng phổ biến hơn ở Khe Ngang so với ở Lâm Ninh. Vì lý do bảo mật, tác giả không thể có số liệu cụ thể này từ phía ngân hàng nhưng đây là nhận định chung của người dân cũng như cán bộ xã. Việc vay theo hình thức thế chấp đòi hỏi nhiều thủ tục giấy tờ hơn, điều không phải người Bru - Vân Kiều nào cũng am hiểu. Chính nhóm tinh hoa trong bản đã tư vấn, hướng dẫn cho họ cách tách khẩu, xin cấp GCNQSDĐ để có tài sản vay thế chấp. Hoạt động chăn nuôi lợn, trâu theo mô hình trang trại, trồng sả mà họ tiên phong đã chứng tỏ hiệu quả kinh tế rõ ràng cũng là tác nhân khiến nhiều hộ khác mạnh dạn vay theo hình thức thế chấp. Cách làm này không phổ biến từ năm 2010 trở về trước do đa phần e sợ nếu làm ăn không hiệu quả sẽ bị mất đất do không có khả năng trả nợ.

Kết luận

Những phân tích trong bài viết cho thấy, quan niệm của người dân về giới tinh hoa có sự mở rộng với nhiều tiêu chí khác nhau ngoài quyền lực chính trị, tuổi tác hay trình độ học vấn. Mức độ thành công trong phát triển kinh tế, gương mẫu trong đời sống gia đình, nhiệt tình hỗ trợ cộng đồng cùng phát triển là những yếu tố quan trọng khác. Nhìn chung, đóng góp của nhóm tinh hoa đối với sự phát triển sinh kế bền vững, đa dạng cơ cấu thu nhập cho người dân ở thôn Khe Ngang rõ nét hơn so với ở thôn Lâm Ninh. Điều đó giúp người dân có điều kiện kiên cố hóa nhà cửa, giúp họ an toàn hơn khi có bão lũ. Đóng góp nổi bật nhất của nhóm tinh hoa tại thôn Khe Ngang thể hiện qua việc chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ thủ tục hành chính, kết nối với đơn vị XKLD, góp phần giúp Khe Ngang từ thôn nghèo nhất trở thành thôn được coi là khá giả nhất trong số 4 thôn người Bru - Vân Kiều ở xã Trường Xuân. Phát

hiện của nghiên cứu này khá tương đồng với những gì đã chỉ ra ở một vài nghiên cứu trước đó, nơi nhóm tinh hoa được coi là có vai trò tích cực trong việc hỗ trợ cộng đồng phát triển kinh tế, qua đó nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai (Lin, 2015; Kita, 2018).

Tài liệu tham khảo

1. Adger, W.N. (2003), “Social capital, collective action and adaptation to climate change”, *Economic Geography*, 79 (4), 387-404.
2. Albrecht, Frederike (2017), “Natural hazard events and social capital: the social impact of natural disasters”, *Disasters*, 42 (2): 336-360.
3. Beckman, M. (2011), “Converging and conflicting interests in adaptation to environmental change in Central Vietnam”, *Climate and Development*, 3 (1), 32-41.
4. Bergius, M., Benjaminsen, T. A., & Widgren, M. (2018), “Green economy, scandinavian investments and agricultural modernization in Tanzania”, *The Journal of Peasant Studies*, 45 (4), 825-852.
5. Chapman, A. D., Darby, S. E., Hoang, H. M., Tompkins, E. L., & Van, T. P. D. (2016), “Adaptation and development trade-offs: Fluvial sediment deposition and the sustainability of rice-cropping in An Giang Province, Mekong Delta”, *Climatic Change*, 137 (3-4), 593-608.
6. Daloz, J. P. (2010), *The sociology of elite distinction. From theoretical to comparative perspectives*, Palgrave Macmillan, London.
7. Dasgupta, Aniruddha and Victoria A. Beard (2007), “Community Driven Development, Collective Action and Elite Capture in Indonesia”, *Development and Change* 38 (2): 229-249.
8. Bùi Xuân Đình, Nguyễn Thị Thanh Bình (2018), “Giới tinh hoa ở làng xã Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 4, tr. 82 - 90.
9. Eriksen, Siri et al (2021), “Adaptation Interventions and their effect on vulnerability in developing countries: Help, hindrance or irrelevance?”, *World Development*, Vol. 141: 1-16.
10. Gunhild Setten, Haakon Lein (2019), “We draw on what we know anyway”: The meaning and role of local knowledge in natural hazard management”, *International Journal of Disaster Risk Reduction*, Volume 38, 101184.
11. Haji, J. & Legesse, B. (2017), “Impact of sedentarization program on the livelihood and food security of Ethiopian pastoralists”, *Journal of Arid Environments*, 13: 45-53.
12. IPCC (2018), “Summary for Policymaker”, in: Masson-Delmotte, et al, *Global warming of 1.5C*, An IPCC Special Report, World Meteorological Organization, Geneva, Switzerland.

13. Kita, Stern. (2018), “Barriers or enablers? Chiefs, elite capture, disasters, and resettlement in rural Malawi”, *Disasters*, 43 (1): 135-156.
14. Lin, T. H. (2015), “Governing Natural Disasters: State Capacity, Democracy, and Human Vulnerability”, *Social Forces*, 93 (3), 1267-1300.
15. Mangan, A. K., Schipper, E. L. F., Burkett, M., Bharwani, S., Burton, I., Eriksen, S. & Ziervogel, G. (2016), “Addressing the risk of maladaptation to climate change”, *WIREs Climate Change*, 7 (5), 646-665.
16. McGregor, J., Parsons, M. & Glavac, S. (2021), *Local Government Capacity and Land Use Planning for Natural Hazards: A Comparative Evaluation of Australian Local Government Areas*, Planning Practice & Research.
17. Mikulewicz, M. (2020), “The discursive politics of adaptation to climate change”, *Annals of the American Association of Geographers*, 110 (6), 1807-1830.
18. Naess, Lars. (2013), “The role of local knowledge in adaptation to climate change”, *Wiley Interdisciplinary Reviews: Climate Change*, Vol. 4 (2): 99-106.
19. Nagel, B. (2020), “Social Network Analysis as a Tool for Studying Livelihood Adaptation to Climate Change: Insights from Rural Bangladesh”, *Human Ecology Review*, 26 (2), 147–170.
20. Nightingale, A. J. (2017), “Power and politics in climate change adaptation efforts: Struggles over authority and recognition in the context of political instability”, *Geoforum*, 84, 11-20.
21. Omukuti, J. (2020a), “Challenging the obsession with local level institutions in country ownership of climate change adaptation”, *Land Use Policy*, 94, 104525.
22. Omukuti, J. (2020b), “Country ownership of adaptation: Stakeholder influence or government control?”, *Geoforum*, 113, 26-38.
23. Paprocki, K. (2018), “Threatening dystopias: Development and adaptation regimes in Bangladesh”, *Annals of the American Association of Geographers*, 108 (4), 955–973.
24. Richler, J. (2019), “Social capital supports action”, *Nature Climate Change*, 9, 186, trên trang <https://doi.org/10.1038/s41558-019-0434-8> (Truy cập ngày 20/3/2023).
25. Takasaki, Yoshito (2009), *Do Local Elites Capture Natural Disaster Reconstruction Funds?*, Department of Economics, University of Tsukuba, Tsukuba Economics Working Papers, No. 47.
26. Thomas, K. A. & Warner, B. P. (2019), “Weaponizing vulnerability to climate change”, *Global Environmental Change*, 57, 101928.
27. Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2019), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.